

391	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 8/0	Chất liệu Polyglactin được bao phủ bởi Polyglactin và Calcium Stearate, số 8/0, sợi chỉ dài 30cm, 2 kim, kim hình thang, đường kính kim 3/8 C, kim dài 6,5mm.	Sợi	200
392	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng thép có phủ silicone, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Độ bền kéo kim $\geq 2500\text{MPa}$, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Sợi	15000
393	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0	Đa sợi số 5/0 chất liệu Polypropylene hoặc tương đương	Sợi	2,000
394	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0	Đa sợi số 4/0 Chất liệu Polyamide hoặc tương đương	Sợi	10,000
395	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0	Số 2/0	Sợi	10,000
396	Băng cuộn kích cỡ 10cmx5m	10cmx5m	Cuộn	50,000
397	Ống dẫn lưu dịch ổ bụng người lớn, trẻ em	Dẫn lưu dịch ổ bụng người lớn, trẻ em	Chiếc	2,800
398	Ống thông niệu quản jj các cỡ	Các cỡ, chiều dài từ 12-30 cm, đã tiết trùng	Chiếc	1,000
399	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản Chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE hoặc tương đương, các cỡ.	Chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE hoặc tương đương, các cỡ, đã tiết trùng	Chiếc	500
400	Ống nội khí quản 2 nòng các cỡ	2 nòng các cỡ, trái phải	Chiếc	100
401	Băng bột bó 15cm x 270cm	Kích thước 15cm x 270cm	Cuộn	400
402	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 1 ml; cỡ kim 23G, 25G, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Chiếc	50,000
403	Bơm tiêm sử dụng một lần 5 ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 5 ml; cỡ kim 23G, 25G, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Chiếc	400,000
404	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 10 ml; cỡ kim 23G, 25G, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Chiếc	800,000
405	Bơm tiêm sử dụng một lần 20 ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 20ml; cỡ kim 23G, 25G, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Chiếc	400,000
406	Bơm tiêm sử dụng một lần 50 ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, ốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số, pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	Chiếc	300,000
407	Bơm cho ăn 50ml	Bơm cho ăn 50ml	Chiếc	50,000
408	Kim luồn tĩnh mạch Số G18, G20, G22	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có vạch cân quang các cỡ. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau Đầu kim tối thiểu có ≥ 2 mặt vát. Catheter nhựa có ≥ 4 đường cân quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. Màng kỵ nước Tốc độ chảy và độ dài catheter : Số G18 ≥ 95 ml/phút; độ dài tối thiểu 45mm hoặc hơn; Số G20 ≥ 60 ml/phút; độ dài tối thiểu 33mm hoặc hơn; Số G22 ≥ 35 ml/phút; độ dài tối thiểu 25mm hoặc hơn.	Chiếc	900,000
409	Kim luồn tĩnh mạch Số G24	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có vạch cân quang các cỡ. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau Đầu kim tối thiểu có ≥ 2 mặt vát. Catheter nhựa có ≥ 4 đường cân quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. Màng kỵ nước Tốc độ chảy và độ dài catheter : Số G24 ≥ 20 ml/phút; độ dài tối thiểu 17mm hoặc hơn.	Chiếc	25,000
410	Dây truyền dịch kim 2 cánh bướm	Kim 2 cánh bướm	Chiếc	820,000
411	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Dài 140 cm	Chiếc	40,000
412	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dài 75 cm	Chiếc	500
413	Khóa 3 chạc không dây nối	Không dây nối, không chứa DEHP	Chiếc	20,000
414	Khóa 3 chạc có dây nối	Có dây nối, không chứa DEHP	Chiếc	2,000
415	Dây thở oxy 2 nhánh Các cỡ XS, S, M, L	Có 2 nhánh Các cỡ XS,S,M,L	Chiếc	50,000
416	Túi đựng rác thải Các màu: đen, xanh, vàng, trắng. Kích thước 40cm x 60cm	Kích thước 40 cm x 60 cm	Kg	60,000
417	Ống nối giữa sond đặt nội khí quản và đầu dây máy thở (con sâu máy thở)		Chiếc	10,000
418	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	2 Nòng	Chiếc	1,000
419	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	3 Nòng	Chiếc	600
420	Kẹp rốn		Chiếc	10,000
421	Nep gỗ căng chân .Kích thước dài $\geq 60\text{cm}$	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước dài $\geq 60\text{cm}$	Chiếc	240

422	Nẹp gỗ căng chân .Kích thước dài ≥ 70 cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước dài ≥ 70 cm	Chiếc	240
423	Nẹp gỗ căng tay .Kích thước dài ≥ 30 cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước dài ≥ 30 cm	Chiếc	360
424	Nẹp gỗ cánh tay .Kích thước dài ≥ 60 cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước dài ≥ 60 cm	Chiếc	300
425	Túi đựng tử thi		Chiếc	100
426	Dây cho ăn các cỡ	Các cỡ	Chiếc	100,000
427	Đầu đo huyết áp động mạch xâm lấn	Đầu đo huyết áp động mạch xâm lấn	Chiếc	120
428	Găng tay khám bệnh có bột	Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Có các cỡ S, M, L, XL. Độ dày ngón tay ≥ 0.08 mm. Độ dày lòng bàn tay ≥ 0.08 mm.	Đôi	3,000,000
429	Găng tay phẫu thuật tiết trùng, có bột	Găng tay có bột, làm từ cao su tự nhiên. Độ dài ≥ 280 mm. Các cỡ 6.5, 7, 7.5, 8. Độ dày ngón tay ≥ 0.17 mm. Độ dày lòng găng tay ≥ 0.14 mm. Đã được tiết trùng.	Đôi	200,000
430	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Chiếc	20,000
431	Bông ép phẫu thuật sọ não	Kích thước 4cmx5cm, đã tiết trùng	Miếng	20,000
432	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 8x15cm, đã tiết trùng	Miếng	300,000
433	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	Kích thước 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	Miếng	500,000
434	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Miếng	2,500,000
435	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Tối thiểu 30x40cmx6 lớp, đã tiết trùng	Miếng	100,000
436	Gạc cầu đa khoa	Đường kính tối thiểu 30mm, 1 lớp đã tiết trùng	Miếng	300,000
437	Gạc 23x25cm	Kích thước 23x25cm, đã tiết trùng	Miếng	900,000
438	Gạc thận nhân tạo	Kích cỡ 3,5x4,5cmx80 lớp, đã tiết trùng	Miếng	300,000
439	Sáp cầm máu	Làm từ sáp ong, khoảng 2.0g/miếng. Đã tiết trùng.	Miếng	1,000
440	Xốp cầm máu	Kích thước tối thiểu 5x8cm đã tiết trùng	Miếng	500
441	Túi bọc camera đã tiết trùng	Dùng trong phẫu thuật, đã tiết trùng	Chiếc	20,000
442	Test chỉ thị hóa học	Kích thước ≥ 100 mm x 20mm có vạch mức chỉ thị hóa học	Test	10,000
443	Que tăm bông	Chất liệu bằng gỗ 1 đầu có bông dài 20cm	cái	10,000
444	Que lấy dịch tỵ hầu		cái	25,000
445	Que cấy vi sinh bằng nhựa tiết trùng	Bằng nhựa, đầu tròn	cái	10,000
446	Bình cầu thủy tinh	đáy bằng, cổ ngắn, dung tích 500 ml	cái	50
447	Bình nón thủy tinh	dung tích 100 ml	cái	50
448	Ổng lưu trữ chủng vi sinh Cryobank	Hỗn hợp 04 màu, mỗi màu 20 lọ, hộp 80 lọ	ống	400
449	Quả lọc nước 5mc	Dùng trong chạy thận nhân tạo	Quả	500
450	Quả lọc nước 0.2mc	Dùng trong chạy thận nhân tạo	Quả	100
451	Quả lọc nước 10mc	Dùng trong chạy thận nhân tạo	Quả	100

VIII. DANH MỤC VẬT TƯ THEO MÁY

1. Vật tư y tế sử dụng cho máy bơm thuốc cân quang 2 nồng độ tự động, Model: Dual Shot alpha 7

452	Ổng bơm thuốc cân quang vô khuẩn gồm các chi tiết: - Ổng bơm 200ml - Que lấy thuốc chữ J - Đầu kim lấy thuốc.	Chất liệu Polycarbonate hoặc tương đương, thể tích ≥ 200 ml, được khử trùng bằng khí EO, gồm các chi tiết: - Ổng bơm 200ml - Que lấy thuốc chữ J - Đầu kim lấy thuốc.	Chiếc	2,000
453	Dây truyền dạng chữ Y . Chất liệu PVC hoặc tương đương	Chất liệu PVC, dài tối thiểu 1500mm, chịu áp lực tối đa 300 psi.	Chiếc	2,000
454	Dây nối bơm tiêm 30cm	Kích thước 30cm	Chiếc	15,000

2. Vật tư y tế sử dụng cho hệ thống lọc máu liên tục, Model: Prismaflex

455	Bộ quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn Màng lọc: Dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) hoặc tương đương Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương Vách đầu quả lọc: Polyurethane hoặc tương đương	- Màng lọc: Dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Vách đầu quả lọc: Polyurethane hoặc tương đương - Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) hoặc tương đương - Cartridge: PETG hoặc tương đương - Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) hoặc tương đương - TMP tối đa* (mmHg/kPa): $\geq 450/60$ - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): $\geq 500/66,6$ - Thể tích máu trong quả lọc: ≥ 150 ml - Diện tích màng: $\geq 0,9m^2$ - Độ dày thành sợi lọc khoảng: $>50\mu m$	Bộ	300
456	Bộ quả lọc hấp phụ than hoạt tính Vỏ quả: Polypropylene hoặc tương đương Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose	- Vỏ quả: Polypropylene hoặc tương đương - Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose - Diện tích hấp phụ: ≥ 300.000 m2 - Độ dày màng khoảng: 3 - 5 μm hoặc hơn - Kích thước lỗ khoảng: $\geq 450\mu m$ - Thể tích máu trong cartridge: ≤ 260 ml - Tốc độ máu: 100 ml/phút đến 350ml/phút hoặc hơn. Tối đa: ≥ 350 ml/phút - Áp lực tối đa khoảng: 500 mmHg - Thể tích máu trong bộ quả lọc: ≤ 367 ml	Quả	50
457	Bộ quả thay thế huyết tương, chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: ≥ 127 ml - Diện tích màng: $\geq 0,35$ m2 - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene hoặc tương đương - Độ dày thành sợi lọc khoảng: ≥ 150 μm - Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: ≥ 41 ml - Tốc độ máu tối thiểu khoảng: ≥ 100 ml/min - Tốc độ máu tối đa: ≥ 400 ml/min	Bộ	50
3. Vật tư y tế sử dụng cho máy phân tích khí máu. Model: RAPIDPoint 500				
458	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml tự động hút máu. $\geq 23,5IU/ml$	Đầu kim có nắp đậy an toàn. Đầu Filter Pro loại bỏ bọt khí , 1ml	Chiếc	30,000
4. Vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, Model: AU 480, 680				
459	Điện cực Sodium	Điện cực Sodium	Chiếc	6
460	Điện cực Potassium	Điện cực Potassium	Chiếc	6
461	Điện cực Chloride	Điện cực Chloride	Chiếc	6
462	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu	Chiếc	3
463	Ống lấy mẫu thể tích $\geq 3,0$ ml	Cốc đựng mẫu, thể tích $\geq 3,0$ ml	Chiếc	20,000
464	Ống lấy mẫu thể tích $\geq 2,0$ ml	Cốc đựng mẫu, thể tích $\geq 2,0$ ml	Chiếc	15,000
5. Vật tư sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động, Model: ACL TOP 550				
465	Cổng phản ứng (Cuvet phản ứng) Dạng nhựa rắn.	Dạng nhựa rắn.	Chiếc	406,000
6. Vật tư y tế sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma Model Sterrad 100S				
466	Giấy cuộn kích thước: $\geq 75mm \times 70m$, có chỉ thị hóa học bên ngoài viên túi	Chất liệu: 100% sợi polyethylene hoặc tương đương. Túi đựng dụng cụ có chỉ thị hoá học bên ngoài viên túi Kích thước: $\geq 75mm \times 70m$	Cuộn	18
467	Giấy cuộn kích thước: ≥ 150 mm x 70m, có chỉ thị hóa học bên ngoài viên túi	Chất liệu: 100% sợi polyethylene hoặc tương đương. Túi đựng dụng cụ có chỉ thị hoá học bên ngoài viên túi Kích thước: ≥ 150 mm x 70m	Cuộn	62
468	Giấy cuộn kích thước: $\geq 350mm \times 70m$, có chỉ thị hóa học bên ngoài viên túi	Chất liệu: 100% sợi polyethylene hoặc tương đương. Túi đựng dụng cụ có chỉ thị hoá học bên ngoài viên túi Kích thước: $\geq 350mm \times 70m$	Cuộn	10
469	Chỉ thị sinh học	Que thử sinh học có hình dạng tuýp, trên nắp có chứa chỉ thị hóa học	Thanh	6,000
7. Vật tư y tế sử dụng cho máy hấp tiệt trùng Model: BU - 677 - S - MT/NS				
470	Chỉ thị hoá học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn của dụng cụ		Thanh	24,000
471	Giấy chỉ thị nhiệt 24mm x 55m	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có Acrylic và vạch mực chỉ thị hoá học	Cuộn	37,000
472	Chỉ thị sinh học dùng cho máy hấp hơi nước	Ống chỉ thị sinh học có chứa vi khuẩn Geobacillus Sterathermophilus	Ống	360
8. Vật tư y tế sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch, Model Advia Centaur XPT				
473	Cổng phản ứng	Cổng phản ứng	Hộp	140
474	Đầu côn hút mẫu	Hút mẫu bệnh phẩm	Hộp	27

9. Vật tư y tế sử dụng cho máy đo tốc độ máu lắng, Model: MIX-RATE				
475	Ống đo tốc độ máu lắng (Ống máu lắng)		Chiếc	12,700
10. Vật tư y tế sử dụng cho máy đốt laser nội mạch Model: Venacure 1470				
476	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch (gồm kim 21G, cây nong cỡ 4F).	Bộ dụng cụ đốt laser nội mạch gồm sợi quang đầu bọc vàng, bề mặt lõi hình cầu, kim 21G, cây nong cỡ 4F dài ≥10cm, dây dẫn ≥45cm.	Bộ	500
11. Vật tư sử dụng cho máy tách chiết ADN/ARN. Model: Microlab Nimbus				
477	Đĩa 96 giếng	Kích thước 96 giếng	Bộ	50
478	Đầu côn có lọc 1000 µl có lọc, tiệt khuẩn	1000 µl, đầu côn tiệt khuẩn, có lọc, đựng trong hộp kín	Cái	80,000
12. Dùng cho máy tách chiết QIA Symphony				
479	Ống chân từ 8 thanh	Mục đích sử dụng Ống chụp 8 thanh dùng cho máy tách chiết tự động	Hộp	70
480	Khay chuẩn bị mẫu 8 giếng	Kích thước mẫu 8 giếng	Hộp	9,600
481	1500 µl đầu côn tiệt khuẩn, có lọc, đựng trong hộp kín	1500 µl đầu côn tiệt khuẩn, có lọc, đựng trong hộp kín	Hộp	50
482	Tubes đựng hóa chất, conical, 2 ml, Qsym AS (500)	Mục đích sử dụng: Ống hình nón (2 ml) để đựng hóa chất, sử dụng với máy chuẩn bị phản ứng tự động.	Hộp	10
13. Dùng cho máy Rotor gene Q				
483	Dài ống kèm nắp PCR 0.1 ml	1000 chiếc/túi	Túi	30
14. Dùng cho máy CFX 96				
484	tube phản ứng 0.1ml	- 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCR - Không có nắp	Túi	30
485	Nắp đáy tube	- Nắp cho strip 8 ống PCR 0.1mL tương ứng	Túi	30
15. Vật tư sử dụng cho máy tách chiết ARN/DRN tự động				
486	Đầu côn có lọc 200 µl có lọc, tiệt khuẩn	200 µl đầu côn tiệt khuẩn, có lọc, đựng trong hộp kín	chiếc	124,000
16. Phim X-quang các loại, các cỡ				
16.1. Phim X- quang sử dụng cho máy in phim, Model DRYPIX 4000				
487	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 35cm x 43cm	Kích cỡ 35cm x 43cm	Tờ	500,000
488	Phim X Quang khô laser Kích cỡ 25cm x 30cm	Kích cỡ 25cm x 30cm	Tờ	500,000
16.2. Phim X- quang sử dụng cho máy in phim, Model DRYPIX 2000				
489	Phim khô nhiệt Kích cỡ 20cmx25cm	20cmx25cm	Tờ	25,000
17. Danh mục vật tư sử dụng cho kẹp clip nội soi, Model: 544995				
490	Clip cầm máu dùng trong phẫu thuật nội soi các cỡ. Chất liệu Polymer hoặc tương đương	Chất liệu Polymer hoặc tương đương, có cơ chế khóa an toàn, đầu clip có vấu tròn. Clip kẹp được mạch từ 5-13mm hoặc hơn. Phân biệt kích cỡ theo màu sắc.	Chiếc	3,000
18. Vật tư y tế sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma Model Sterrad 100S				
491	Que chỉ thị hóa học	Thanh thử có chứa chỉ thị hoá học.	Thanh	6,000
19. Vật tư y tế sử dụng cho máy thành phần máu, Model: NGL XCF 3000				
492	Bộ kit thu nhận tiểu cầu túi đơn	- Bộ kit dùng một lần, khép kín, vô trùng và không chứa pyrogen - Phương pháp khử trùng: Ethylene oxide hoặc tương đương - Số lượng thu thập tiểu cầu đơn > 2,5 x 10¹¹ - Có túi transfer giữ lớp tiểu cầu giàu bạch cầu. - Các dây dẫn có chỉ thị màu. - Bộ kit chỉ sử dụng 1 kim. - Có túi chống đông ACD-A ≥ 500ml đi kèm - Bộ kit tối thiểu gồm: + Kim nối với túi chống đông: 1 cái + Kim lấy máu và trả máu về người hiến: 1 cái + Bộ phận lọc máu trên đường truyền máu: 1 bộ + Bộ phận lấy mẫu máu chân không: 1 bộ + Túi lấy mẫu máu : 1 túi + Túi bảo quản tiểu cầu: 1 túi + Túi bảo quản huyết tương: 1 túi + Túi Transfer : 1 túi + Túi lấy mẫu tiểu cầu: 1 túi + Túi khí: 1 túi + Khóa kẹp: 11 cái. - Hạn sử dụng: ≥4 năm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. CE	Bộ	80
20. Vật tư thay thế khác				
Vật tư thay thế sử dụng cho các máy Monitor theo dõi bệnh nhân				
493	Đầu đo SPO2	Đầu đo SPO2	Chiếc	300
494	Bao đo huyết áp	Bao đo huyết áp người lớn	Chiếc	300
495	Dây cáp điện tim	3 cân	Chiếc	200
496	Dây cáp điện tim	6 cân	Chiếc	50

IX.Khí Y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh				
497	Khí oxy y tế chai 10 lít	Nạp trong chai/bình, dung tích 10 lít/chai/bình; áp suất khi nạp ≥ 135 kg/cm ²	Lít khí	3,500,000
498	Khí oxy y tế chai 40 lít	Nạp trong chai/bình, dung tích 40 lít/chai/bình; áp suất khi nạp ≥ 135 kg/cm ²	Lít khí	9,000,000
499	Khí oxy y tế chất lượng $\geq 99,5\%$ dạng hóa lỏng	Chất lượng $\geq 99,5\%$ oxy tinh khiết được nạp trực tiếp vào bồn chứa của Bệnh viện bằng xe chuyên dụng	Lít khí	275,000,000
500	Khí CO ₂ Y tế chất lượng $\geq 99\%$	Chất lượng $\geq 99\%$ CO ₂ tinh khiết được đóng trong chai dung tích 40 lít.	Kg	3,200
X	Vật tư y tế sử dụng cho phòng khám Răng hàm mặt			
501	Mũi khoan trụ (size to, nhỏ)		Chiếc	30
502	Mũi khoan tròn (size to, nhỏ)		Chiếc	30
503	GC Fuji II LC		Hộp	3
504	Mũi khoan chớp nhọn (đuôi chuột, mịn, nhám)		Chiếc	60
505	Gutta 25 độ thuần 6%		Hộp	9
506	Gutta 20 độ thuần 6%		Hộp	9
507	gutta 30 độ thuần 6%		Hộp	9
508	gutta 40 độ thuần 6%		Hộp	15
509	H file 25 dài 21 mm		Vi	15
510	H file 30 dài 21 mm		Vi	15
511	K file 8 dài 21 mm		Vi	15
512	K file 10 dài 21 mm		Vi	15
513	K file 10 dài 25 mm		Vi	15
514	K file 15 dài 21 mm		Vi	15
515	K file 15 dài 25 mm		Vi	15
516	K file 20 dài 21 mm		Vi	15
517	K file 20 dài 25 mm		Vi	15
518	K file 25 dài 21 mm		Vi	15
519	K file 30 dài 21 mm		Vi	15
520	K file 35 dài 21 mm		Vi	15
521	K file 40 dài 21 mm		Vi	15
522	Côn giấy 20.06		Hộp	15
523	Côn giấy 25.06		Hộp	15
524	Trâm gai 15		Vi	15
525	Trâm gai 20		Vi	15
526	Composite đặc A35		Tuýp	15
527	Composite đặc A3		Tuýp	15
528	Composite lỏng A35		Tuýp	15
529	Composite lỏng A3		Tuýp	15
530	Composite đặc A2		Tuýp	15
531	Tăm bông		Lọ	9
532	Bonding 5ml 3M		Lọ	3
533	Etching 5g		Tuýp	6
534	Canxi		Hộp	9
535	Caviton		Hộp	6
536	Cốc đánh bóng		Chiếc	300
537	Mũi khoan tròn		Chiếc	60

538	fuji IX A3		Hộp	6
539	Chổi cước đánh bóng		Chiếc	360
540	Cây lên ống tùy		Bộ	3
541	Lentulo đỏ		Vi	3
542	Miếng dán Urgo kích thước 1.9cm x 7.2cm		Hộp	5,000
	Tổng cộng: 542 danh mục			